TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**: 140**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31-8-2023
V/v tranh chấp:“ *Ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Thật

2. Bà Hồ Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Kiều Văn Liêu- Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 349/2023/TLST–HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023, về việc tranh chấp: *“Ly hôn”*.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 383/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc M, sinh năm 1969

Địa chỉ: Số G, tổ A (trước là tổ D), khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (Có đơn yêu cầu vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1964

Địa chỉ: Số G, tổ A (trước là tổ D), khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc M có ý kiến trình bày thể hiện nội dung:* Bà và ông Nguyễn Thành T tự tìm hiểu và quen biết nhau. Đến năm 2008, ông bà tiến tới hôn nhân, cả hai có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 104, ngày 14/5/2008. Sau khi kết hôn ông bà sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh

phúc, ông T thường xuyên đánh đập bà. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt, cả hai không còn tình cảm. Nay, bà M yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thành T.

- Về con chung: Có 03 (ba) con tên Nguyễn Trần Mỹ N, sinh ngày 17/12/1993; Nguyễn Trần Mỹ N1, sinh ngày 17/02/2000; Nguyễn Trần Ngọc H, sinh ngày 14/9/2002. Con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đồng thời, ngày 13/7/2023, bà Trần Thị Ngọc M có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt vì công việc nên bà M yêu cầu được xin vắng mặt không tham gia phiên tòa.

** Bị đơn ông Nguyễn Thành T vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày*

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc M có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt; Bị đơn ông Nguyễn Thành T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không tham dự phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn giữa bà Trần Thị Ngọc M với ông Nguyễn Thành T. Về quan hệ con chung đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung ông T vắng mặt, bà M không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Thành T mặc dù được tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng ông T vẫn không tham dự phiên tòa nên vụ án được tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc M có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của bà M là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về thẩm quyền: Bà Trần Thị Ngọc M khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Thành T đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

[3.1] Theo đơn khởi kiện, ý kiến trình bày tại các buổi làm việc tại tòa án, bà Trần Thị Ngọc M có ý kiến về quan hệ hôn nhân giữa bà và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, theo giấy chứng nhận kết hôn số số 104, ngày 14/5/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến bà M yêu cầu xin ly hôn do bất đồng quan điểm sống, cả hai thường xuyên tranh cãi với nhau trong sinh hoạt hằng ngày. Ông T thường xúc phạm, mắng chửi và đánh bà M vô cớ. Giữa vợ chồng không còn tôn trọng, tin tưởng nhau nên từ năm 2022, vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Hôn nhân giữa bà M và ông T không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn nên bà M yêu cầu giải quyết được ly hôn với ông T.

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù ông Nguyễn Thành T được tống đạt các văn bản nhưng ông T không đến Tòa án cũng như không có ý kiến đối với việc bà M xin ly hôn. Hôn nhân giữa bà M và ông T không còn sự quan tâm, vợ chồng không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ với nhau, cũng như không có giải pháp nhằm hàn gắn, duy trì cuộc hôn nhân.

[3.3] Hội đồng xét xử nhận thấy, trong cuộc sống hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, bà M không đồng ý tiếp tục chung sống cùng với ông T, còn ông T không có ý kiến trình bày. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Ngọc M với ông Nguyễn Thành T.

[4] Về con chung: Bà M trình bày và cung cấp giấy khai sinh thể hiện bà M và ông T chung sống với nhau có 03 (ba) con tên Nguyễn Trần Mỹ N, sinh ngày 17/12/1993; Nguyễn Trần Mỹ N1, sinh ngày 17/02/2000 và Nguyễn Trần Ngọc H, sinh ngày 14/9/2002. Bà M trình bày các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết, ông T không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà M trình bày tự thỏa thuận, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng ông T vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà M phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 143; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 186; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 232; điểm b khoản 1 Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc M đối với ông Nguyễn Thành T

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Ngọc M và ông Nguyễn Thành T

Giấy chứng nhận kết hôn số 104 do Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang cấp ngày 14/5/2008 cho bà Trần Thị Ngọc M, ông Nguyễn Thành T hết hiệu lực kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Có 03 (ba) con tên Nguyễn Trần Mỹ N, sinh ngày 17/12/1993; Nguyễn Trần Mỹ N1, sinh ngày 17/02/2000 và Nguyễn Trần Ngọc H, sinh ngày 14/9/2002 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

4.1. Bà Trần Thị Ngọc M phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001953 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên ngày 21 tháng 6 năm 2023. Bà M đã nộp đủ tiền án phí.

4.2. Ông Nguyễn Thành T không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

* Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư ngụ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 7a và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự " Để thi hành";
- VKSND.TPLX;
- TAND.An Giang;
- UBND phường Mỹ Hòa;
- Lưu: hồ sơ;VP.

Trịnh Ngọc Thúy